



**THÔNG BÁO DANH SÁCH TÀI KHOẢN CHUYÊN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG DÙNG ĐỂ  
QUẢN LÝ TIỀN NHÀ ĐẦU TƯ**

Công ty Cổ phần chứng khoán KB Việt Nam (KBSV) xin thông báo Danh sách tài khoản chuyên dụng tại Ngân hàng dùng để quản lý tiền gửi giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư tại KBSV đến ngày 13/11/2023 như sau:

| STT | Số tài khoản   | Tên tài khoản                                    | Tên Ngân hàng                                |
|-----|----------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| 1   | 03101010345345 | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam             |
| 2   | 04001010168678 | CNTPHCM- Công ty Cổ phần chứng khoán KB Việt Nam | Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam             |
| 3   | 12210000605564 | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam |
| 4   | 12210000660068 | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam |
| 5   | 12210002382562 | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam |
| 6   | 12210000709095 | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam |
| 7   | 12210000605582 | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam |
| 8   | 1025903207     | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam         |
| 9   | 0991000055999  | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam         |
| 10  | 0071001290012  | CN Sài Gòn- CTCP Chứng khoán KB Việt Nam         | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam         |
| 11  | 1042463126     | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam         |
| 12  | 56756799101    | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng TMCP Tiên Phong                    |
| 13  | 179159686      | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng          |
| 14  | 224978235      | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng          |



|    |                      |                                                  |                                                  |
|----|----------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| 15 | 173299688            | CN Hà Nội- CTCP Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng              |
| 16 | 100702040368         | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam                |
| 17 | 128000063095         | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam              |
| 18 | 144001536582         | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam              |
| 19 | 140001536629         | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam              |
| 20 | 10103300             | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng TNHH Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking |
| 21 | 17972447             | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng TMCP Á Châu                            |
| 22 | 4656027              | CNTPHCM- Công ty Cổ phần chứng khoán KB Việt Nam | Ngân hàng TMCP Á Châu                            |
| 23 | 811001100010572      | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng Kookmin                                |
| 24 | 008901602            | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt nam                  |
| 25 | 0766689668888        | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng TMCP Quân đội                          |
| 26 | 22288828             | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng TMCP Việt Á                            |
| 27 | 0818102491401        | CNTPHCM- Công ty Cổ phần chứng khoán KB Việt Nam | Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH                 |
| 28 | 100180689000201      | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam           |
| 29 | 960 960 000444 00041 | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng TMCP Đại Dương Việt                    |
| 30 | 19028599540868       | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam                |
| 31 | 19028599540558       | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam                |
| 32 | 700011867783         | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng Shinhan                                |
| 33 | 30000691089          | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng TNHH MTV Phát triển Singapore          |
| 34 | 000000229085         | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam          | Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín |

1 - C.  
 NG TY  
 PHÂN  
 KHO  
 ỆT N  
 - T.P

Việc nộp tiền của Nhà đầu tư để thực hiện giao dịch chứng khoán được thực hiện theo Hướng dẫn cụ thể của KBSV trong từng thời kỳ. Đề nghị Quý khách liên hệ 19001711 để được hướng dẫn hoặc hỗ trợ.

Trân trọng thông báo ./.

